TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 266/2019/QĐST-HNGĐ	*Hàm Thuận Bắc, ngày 22 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 420/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa :

Nguyên đơn: Ông K' Văn C – Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thiện T – Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông K' Văn C và bà Nguyễn Thiện T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Ông K' Văn Cơ được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên K' Nguyễn Hoàng Như Y - sinh ngày 17/01/2013 và K' Nguyễn Hoàng N - Sinh ngày 12/9/2015.

Về mức cấp dưỡng và phương thức nuôi con:

Bà Nguyễn Thiện T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Bà Nguyễn Thiện T tự nguyện, đồng ý, thỏa thuận cấp dưỡng nuôi 02 con tên K' Nguyễn Hoàng Như Y - sinh ngày 17/01/2013 và K' Nguyễn Hoàng N - Sinh ngày 12/9/2015 mỗi tháng 1.000.000đồng/ 1 con, tổng cộng 02 con là 2.000.000đồng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí:

Ông K' Văn C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con (do thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thiện T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thiện T tự nguyện thỏa thuận chịu 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện HTB;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mi Mi